



BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
TRUNG TÂM QUY HOẠCH VÀ ĐIỀU TRA TÀI NGUYÊN NƯỚC QUỐC GIA

BẢN TIN THÔNG BÁO, DỰ BÁO VÀ CẢNH BÁO
TÀI NGUYÊN NƯỚC DƯỚI ĐẤT
THÁNG 1 NĂM 2017
VÙNG DUYÊN HẢI NAM TRUNG BỘ

HÀ NỘI, THÁNG 2/2017

MỤC LỤC

I. Diễn biến tài nguyên nước dưới đất vùng Duyên hải Nam Trung Bộ	3
I.1. Tầng chứa nước Holocen (qh)	3
I.2. Tầng chứa nước Pleistocene (qp)	3
II. Chi tiết diễn biến và dự báo mực nước các tỉnh thành phố.....	7
II.1. Thành phố Đà Nẵng	9
II.1.1. Tầng chứa nước Holocen (qh).....	9
II.2. Tỉnh Quảng Nam	10
II.2.1. Tầng chứa nước Holocene (qh).....	10
II.2.3. Tầng chứa nước Pleistocene (qp).....	12
II.3. Tỉnh Quảng Ngãi	13
II.3.1. Tầng chứa nước Holocene (qh).....	13
II.3.2. Tầng chứa nước Pleistocene (qp).....	15

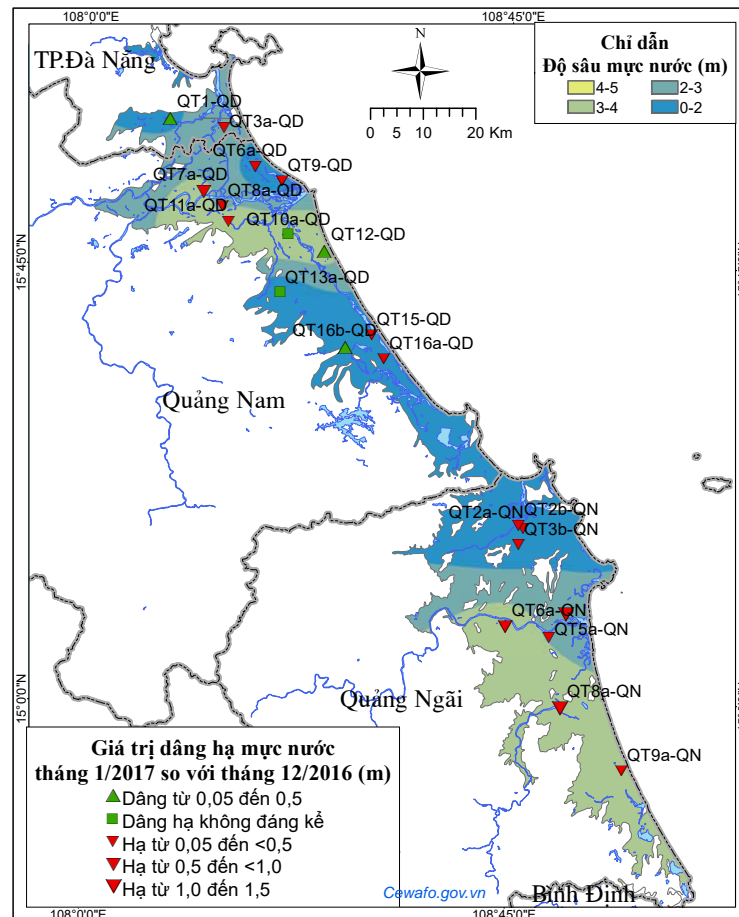
Vùng Duyên hải Nam Trung Bộ hiện có 41 công trình quan trắc, trong vùng có 3 tầng chứa nước lỗ hổng và 2 tầng chứa nước khe nứt tại các tỉnh Quảng Nam, Quảng Ngãi và thành phố Đà Nẵng. Trên cơ sở kết quả quan trắc tài nguyên nước dưới đất năm 2016 và tháng đầu năm 2017, diễn biến tài nguyên nước dưới đất được phân tích, đánh giá để dự báo mực nước tháng 2 và tháng 3 cho hai tầng chứa nước chính là tầng chứa nước Holocene (qh) và tầng chứa nước Pleistocene (qp). Kết quả được thể hiện chi tiết như sau:

I. Diễn biến tài nguyên nước dưới đất vùng Duyên hải Nam Trung Bộ

I.1. Tầng chứa nước Holocen (qh)

Diễn biến mực nước dưới đất tháng 1/2017 so với mực nước trung bình tháng 12/2016: mực nước có xu thế hạ, với 17/22 công trình có mực nước hạ, 3/22 công trình có mực nước dâng và 2/22 công trình dâng hạ không đáng kể. Giá trị hạ thấp nhất là 1,25m tại xã Đức Hiệp, huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi (QT8a-QN). Giá trị dâng cao nhất là 0,27m tại xã Bình Minh, huyện Thăng Bình, tỉnh Quảng Nam (QT12a-QD).

Trong tháng 1/2017: mực nước trung bình tháng sâu nhất là 4,10m tại xã Duy Trung, huyện Duy Xuyên, tỉnh Quảng Nam (QT11a-QD), mực nước trung bình tháng nông nhất là 0,42m tại xã Bình Thới, huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi (QT2b-QN).



Hình 1. Sơ đồ diễn biến mực nước tháng 1/2017 tầng qh

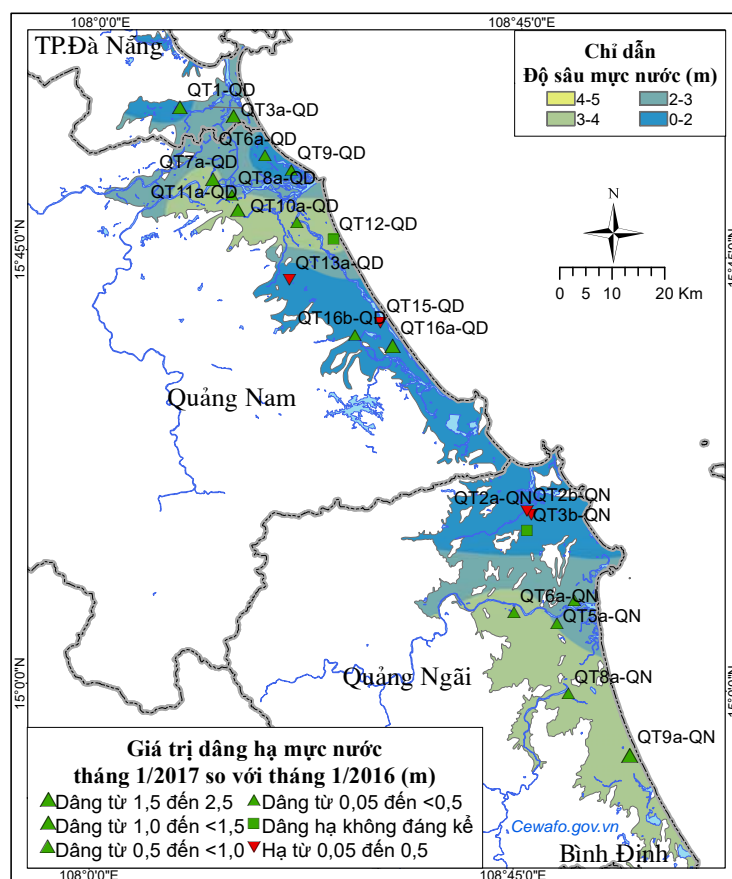
Diễn biến mực nước dưới đất trung bình tháng 1/2017 so với cùng thời điểm 1 năm trước được thể hiện chi tiết trong bảng 1, 2 và hình 3.

Bảng 1. Mực nước TB tháng cực trị qua các thời kỳ (m)

Thời gian	Mực nước TB tháng sâu nhất		Mực nước TB tháng nông nhất	
	Giá trị (m)	Địa điểm	Giá trị (m)	Địa điểm
Tháng 1	4,10	xã Duy Trung, huyện Duy Xuyên, Quảng Nam (QT11a-QD)	0,42	xã Bình Thới, huyện Bình Sơn, Quảng Ngãi (QT2b-QN)
1 năm trước (2016)	5,86	xã Phổ An, huyện Đức Phổ, Quảng Ngãi (QT9a-QN)	0,16	xã Bình Thới, huyện Bình Sơn, Quảng Ngãi (QT2b-QN)

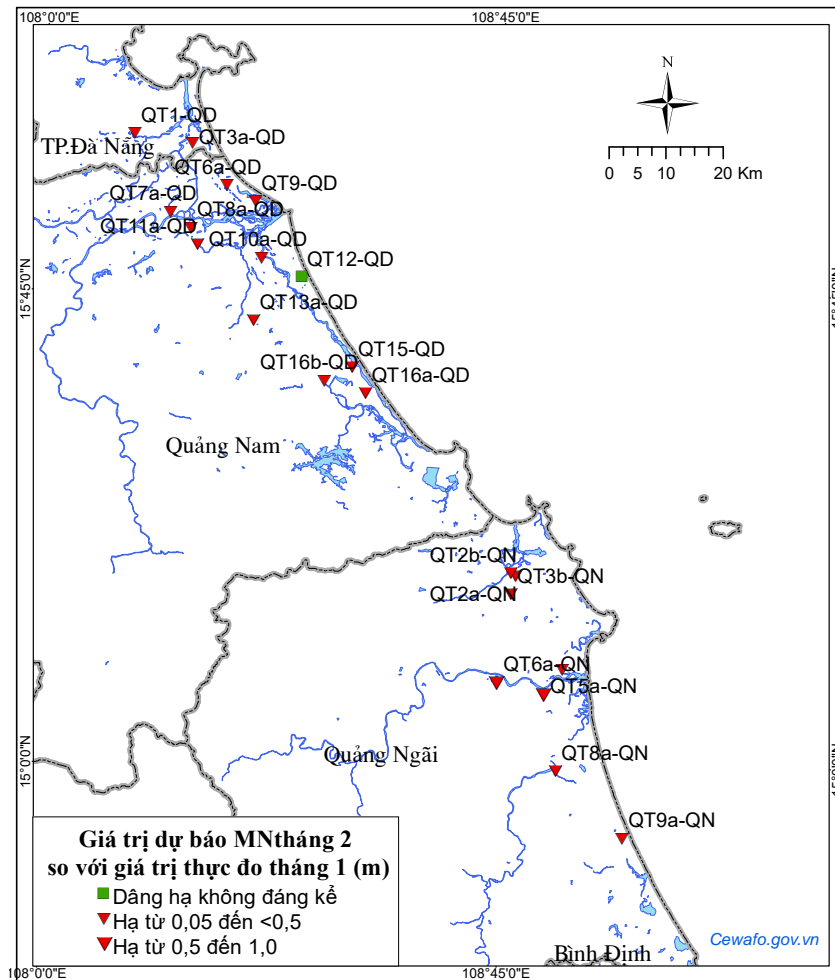
Bảng 2. Diễn biến mực nước TB tháng 1/2017 so với cùng thời điểm năm trước (m)

Thời gian	Xu thế chính	Giá trị hạ thấp nhất		Giá trị dâng cao nhất	
		Giá trị (m)	Địa điểm	Giá trị (m)	Địa điểm
1 năm trước (2016)	Dâng	0,26	xã Bình Thới, huyện Bình Sơn, Quảng Ngãi (QT2b-QN)	2,17	xã Phổ An, huyện Đức Phổ, Quảng Ngãi (QT9a-QN)



Hình 2. Sơ đồ diễn biến mực nước tháng 1/2017 so với cùng kỳ năm trước

Dự báo: Diễn biến mực nước các tháng tiếp theo có xu thế hạ so với mực nước thực đo tháng 1/2017 (xem hình 3). Dao động mực nước thay đổi từ 0,05m đến 1,0m.

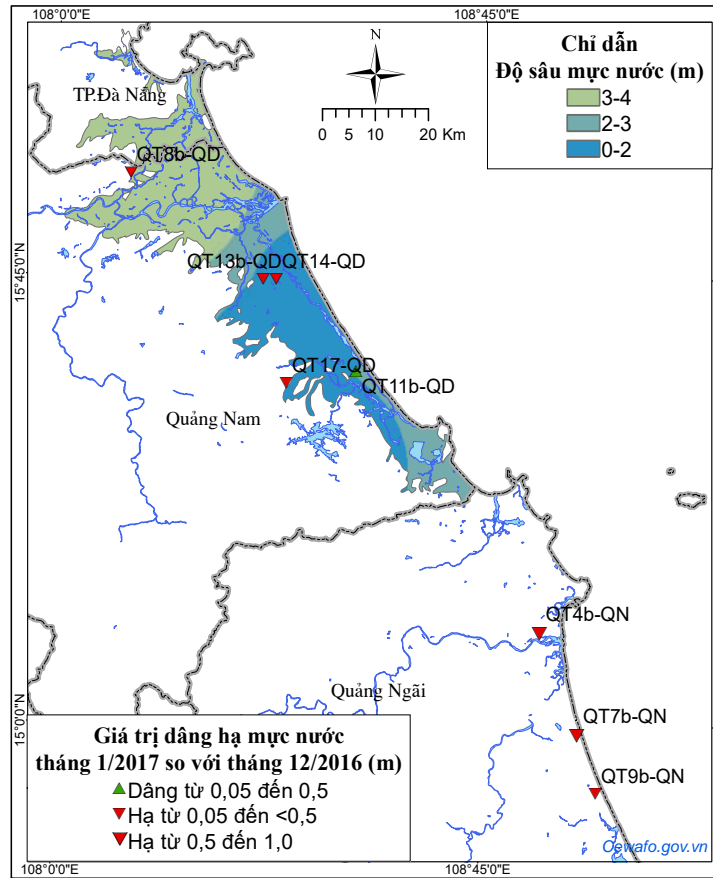


Hình 3. Sơ đồ dự báo diễn biến mực nước tầng qh

I.2. Tầng chứa nước Pleistocene (qp)

Diễn biến mực nước dưới đất tháng 1/2017 so với mực nước trung bình tháng 12/2016: mực nước có xu thế hạ, với 9/10 công trình có mực nước hạ và 1/10 công trình có mực nước dâng. Giá trị hạ thấp nhất là 1,03m tại xã Tịnh Long, huyện Sơn Tịnh, tỉnh Quảng Ngãi (QT4b-QN) và có một công trình có mực nước dâng với giá trị là 0,26m tại xã Tam Phú, TP. Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam (QT11b-QN).

Trong tháng 1/2017: mực nước trung bình tháng sâu nhất là 4,22m tại xã Đại Hiệp, huyện Đại Lộc, tỉnh Quảng Nam (QT5b-QD); mực nước trung bình tháng nông nhất là 0,79m tại xã Tam Phước, huyện Phú Ninh, tỉnh Quảng Nam (QT17-QD).



Hình 4. Sơ đồ diễn biến mực nước tháng 1/2017 tầng qp

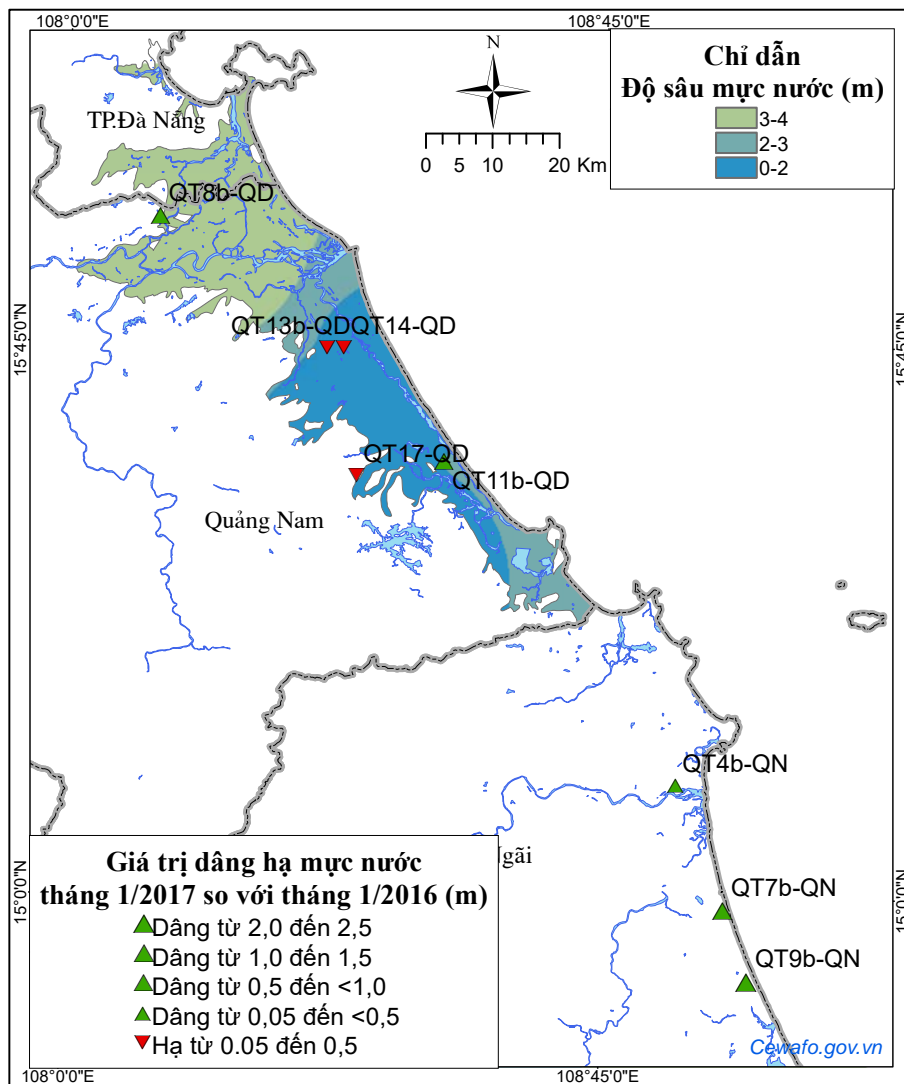
Diễn biến mực nước dưới đất trung bình tháng 1/2017 so với cùng thời điểm 1 năm trước được thể hiện chi tiết trong bảng 3, 4 và hình 5.

Bảng 3. Mực nước TB tháng cực trị qua các thời kỳ (m)

Thời gian	Mực nước TB tháng sâu nhất		Mực nước TB tháng nông nhất	
	Giá trị (m)	Địa điểm	Giá trị (m)	Địa điểm
Tháng 1	4,22	xã Đại Hiệp, huyện Đại Lộc, Quảng Nam (QT5b-QĐ)	0,79	xã Tam Phước, huyện Phú Ninh, Quảng Nam (QT17-QĐ)
1 năm trước (2016)	5,87	xã Phở An, huyện Đức Phổ, Quảng Ngãi (QT9b-QN)	0,51	xã Bình Quý, huyện Thăng Bình, Quảng Nam (QT14-QĐ)

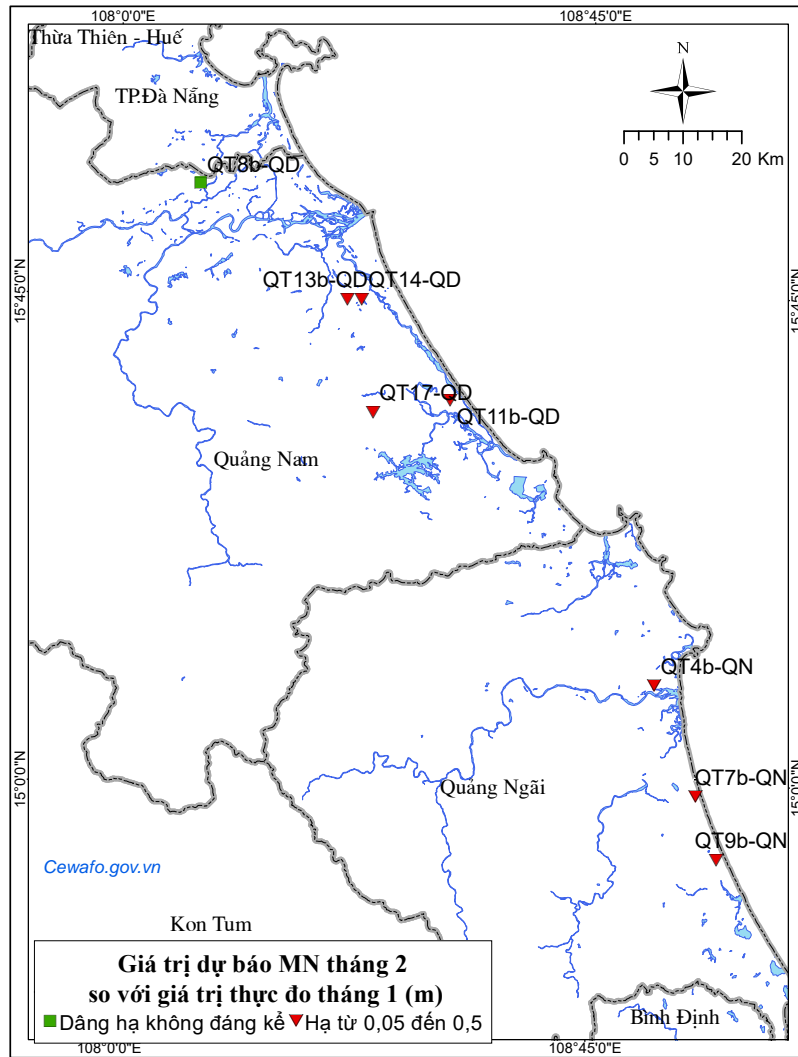
Bảng 4. Diễn biến mực nước TB tháng 1/2017 so với cùng thời điểm năm trước

Thời gian	Xu thế chính	Giá trị hạ thấp nhất		Giá trị dâng cao nhất	
		Giá trị (m)	Địa điểm	Giá trị (m)	Địa điểm
1 năm trước (2016)	Dâng	0,29	xã Bình Quý, huyện Thăng Bình, Quảng Nam (QT14-QĐ)	2,22	xã Phở An, huyện Đức Phổ, Quảng Ngãi (QT9b-QN)



Hình 5. Sơ đồ diễn biến mực nước tháng 1/2017 so với cùng kỳ năm trước

Dự báo: Diễn biến mực nước các tháng tiếp theo có xu thế hạ so với mực nước thực đo tháng 1/2017 (xem hình 6). Dao động mực nước thay đổi từ 0,05m đến 0,5m.



Hình 6. Sơ đồ dự báo diễn biến mực nước tầng qđ

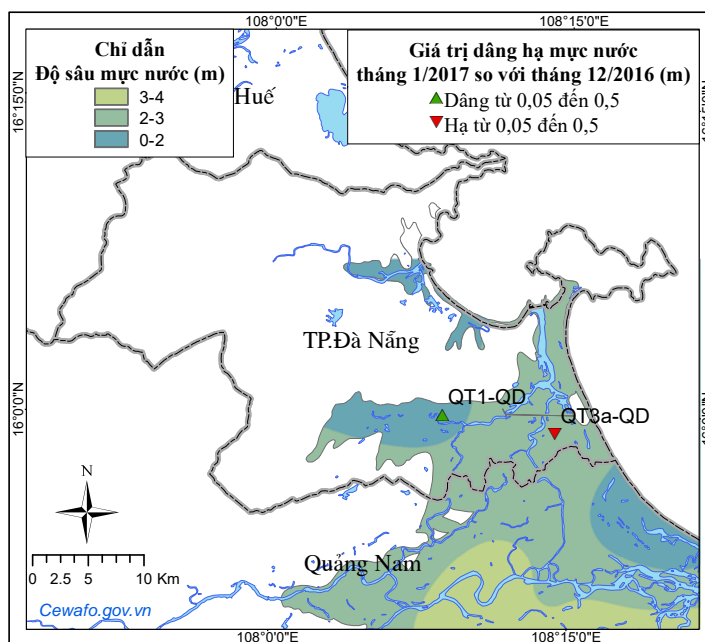
II. Chi tiết diễn biến và dự báo mực nước các tỉnh thành phố

II.1. Thành phố Đà Nẵng

II.1.1. Tầng chứa nước Holocen (qh)

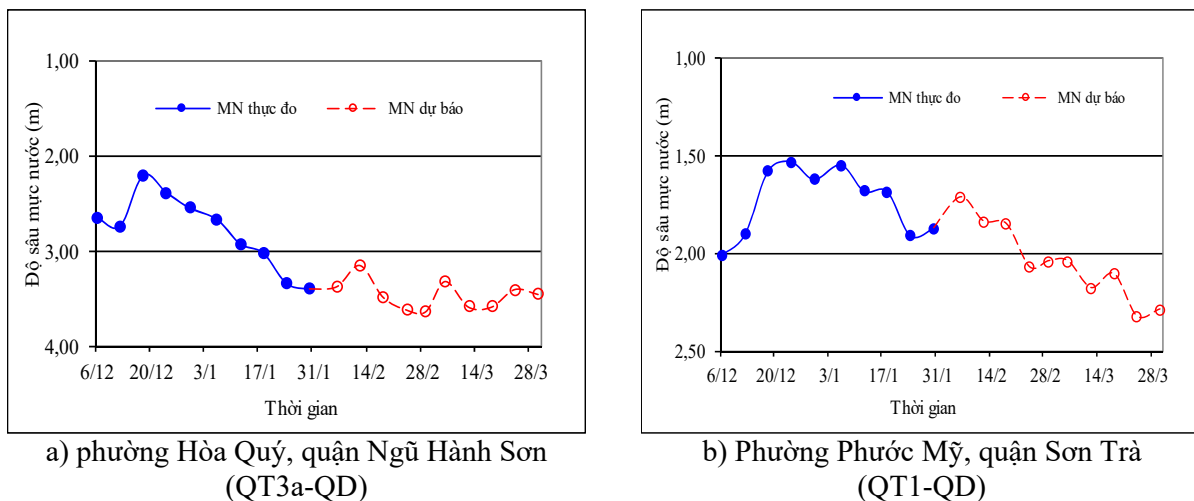
Trong phạm vi thành phố, mực nước dưới đất tháng 1/2017 có xu thế hạ và dâng so với mực nước trung bình tháng 12/2016. Giá trị hạ là 0,45m tại phường Hòa Quý, quận Ngũ Hành Sơn (QT3a-QD) và giá trị dâng là 0,07m tại phường Phước Mỹ, quận Sơn Trà (QT1-QD).

Mực nước trung bình tháng sâu nhất là 2,99m tại phường Hòa Quý, quận Ngũ Hành Sơn (QT3a-QD). Mực nước trung bình tháng nông nhất là 1,69m tại phường Phước Mỹ, quận Sơn Trà (QT1-QD).



Hình 7. Sơ đồ diễn biến mực nước tầng qh

Dự báo: Trong tháng 2 và tháng 3 năm 2017 mực nước có xu thế hạ. Chi tiết diễn biến mực nước một số điểm đặc trưng (xem hình 8 và bảng 5).



Hình 8. Dự báo độ sâu mực nước tháng 2 và tháng 3 năm 2017 tầng qh

Bảng 5. Độ sâu mực nước tầng qh (m)

Ngày	phường Hòa Quý, quận Ngũ Hành Sơn (QT3a-QD)			Phường Phước Mỹ, quận Sơn Trà (QT1-QD)		
	Mức nước thực đo tháng 1	Mức nước dự báo		Mức nước thực đo tháng 1	Mức nước dự báo	
		Tháng 2	Tháng 3		Tháng 2	Tháng 3
6	2,67	3,38	3,33	1,55	1,72	2,04
12	2,93	3,16	3,59	1,69	1,84	2,18
18	3,03	3,49	3,59	1,69	1,85	2,11
24	3,35	3,62	3,41	1,91	2,07	2,33
30	3,40		3,46	1,87		2,29
TB	3,08	3,41	3,48	1,74	1,87	2,19

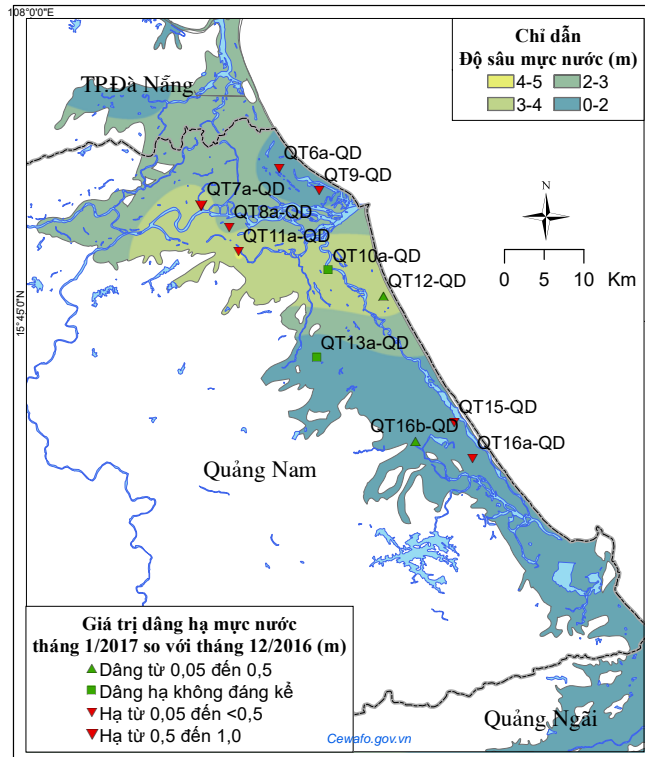
Cảnh báo: không có cảnh báo

II.2. Tỉnh Quảng Nam

II.2.1. Tầng chứa nước Holocene (qh)

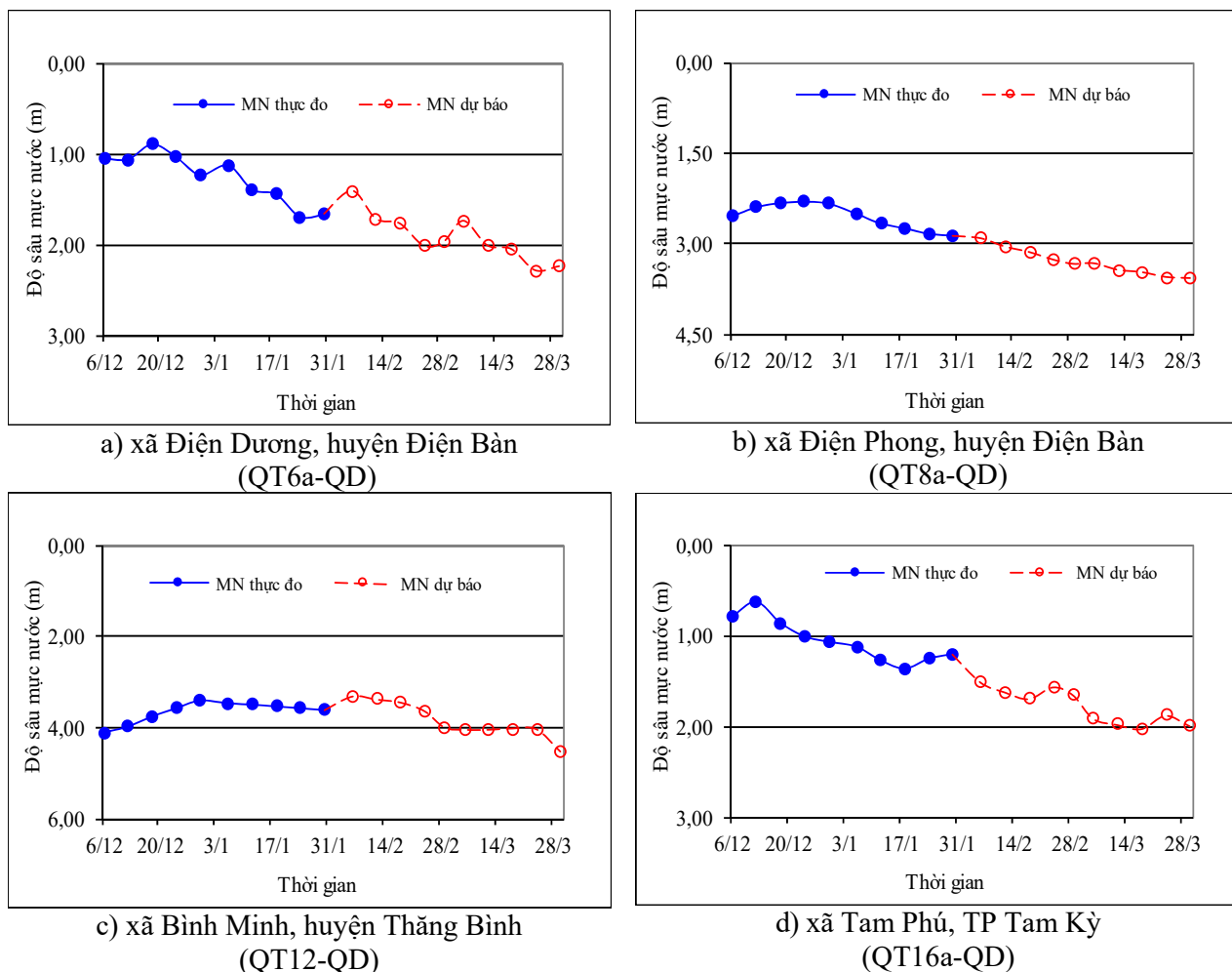
Trong phạm vi tỉnh, mực nước dưới đất tháng 1/2017 có xu thế hạ so với mực nước trung bình tháng 12/2016. Giá trị hạ thấp nhất là 0,65m tại xã Điện Phước, huyện Điện Bàn (QT7a-QD) và giá trị dâng cao nhất là 0,27m tại xã Bình Minh, huyện Thăng Bình (QT12-QD).

Mức nước trung bình tháng sâu nhất là 4,10m tại xã Duy Trung, huyện Duy Xuyên (QT11a-QD). Mực nước trung bình tháng nông nhất là 0,92m tại TT. Hà Lam, huyện Thăng Bình (QT13a-QD).



Hình 9. Sơ đồ diễn biến mực nước tháng 1/2017 tầng qh

Dự báo: Trong tháng 2 và tháng 3 năm 2017 mực nước có xu thế hạ. Chi tiết diễn biến mực nước tại một số điểm đặc trưng như sau (xem hình 10 và bảng 6).



Hình 10. Dự báo độ sâu mực nước tháng 2 và tháng 3 năm 2017 tầng qh

Bảng 6. Độ sâu mực nước tầng qh (m)

Ngày	xã Điện Dương, huyện Điện Bàn (QT6a-QD)			xã Điện Phong, huyện Điện Bàn (QT8a-QD)		
	Mực nước thực đo tháng 1	Mực nước dự báo		Mực nước thực đo tháng 1	Mực nước dự báo	
		Tháng 2	Tháng 3		Tháng 2	Tháng 3
6	1,13	1,41	1,75	2,51	2,91	3,33
12	1,40	1,72	2,02	2,67	3,05	3,44
18	1,45	1,77	2,05	2,75	3,14	3,48
24	1,70	2,02	2,29	2,84	3,27	3,56
30	1,67		2,24	2,87		3,58
TB	1,47	1,73	2,07	2,73	3,09	3,48

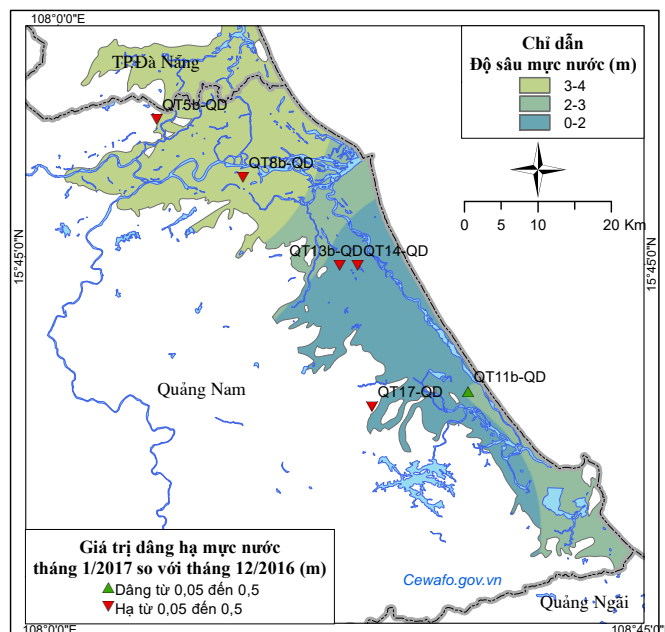
Ngày	xã Bình Minh, huyện Thăng Bình (QT12-QD)			xã Tam Phú, TP Tam Kỳ (QT16a-QD)		
	Mức nước thực đo tháng 1	Mức nước dự báo		Mức nước thực đo tháng 1	Mức nước dự báo	
		Tháng 2	Tháng 3		Tháng 2	Tháng 3
6	3,47	3,31	4,06	1,13	1,51	1,91
12	3,50	3,38	4,06	1,28	1,62	1,98
18	3,54	3,45	4,03	1,37	1,70	2,03
24	3,58	3,64	4,05	1,26	1,57	1,88
30	3,62		4,55	1,21		1,99
TB	3,54	3,45	4,15	1,25	1,60	1,96

Cảnh báo: không có cảnh báo

II.2.2. Tầng chứa nước Pleistocene (qp)

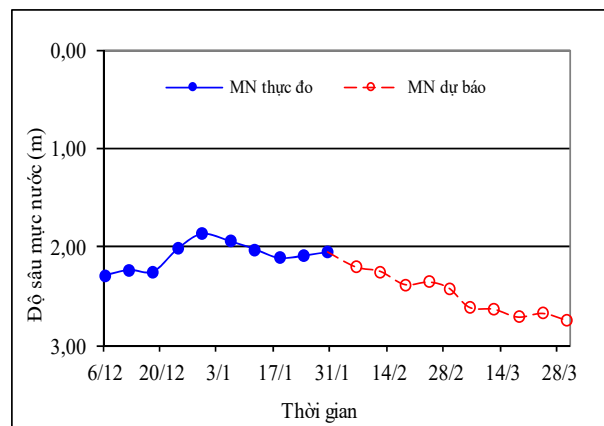
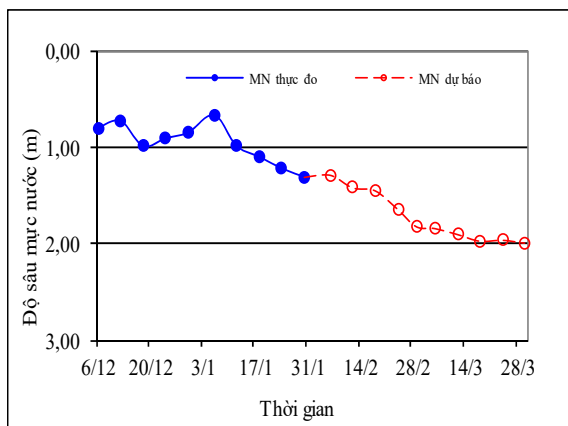
Trong phạm vi tỉnh, mực nước dưới đất tháng 1/2017 có xu thế hạ so với mực nước trung bình tháng 12/2016. Giá trị hạ thấp nhất là 0,41m tại xã Điện Hòa, huyện Điện Bàn (QT4a-QD) và có một công trình có mực nước dâng với giá trị là 0,26m tại xã Tam Phú, TP Tam Kỳ (QT11b-QD).

Mức nước trung bình tháng sâu nhất là 4,22m tại xã Đại Hiệp, huyện Đại Lộc (QT5b-QD). Mực nước trung bình tháng nông nhất là 0,79m tại xã Tam Phước, huyện Phú Ninh (QT17-QD).



Hình 11. Sơ đồ diễn biến mực nước tháng 1/2017 tầng qp

Dự báo: Trong tháng 2 và tháng 3 năm 2017 mực nước có xu thế hạ. Chi tiết diễn biến mực nước tại một số điểm đặc trưng như sau (xem hình 12 và bảng 7).



a) xã Điện Hòa, huyện Điện Bàn (QT4a-QD)

b) xã Tam Phú, TP Tam Kỳ (QT11b-QD)

Hình 12. Dự báo độ sâu mực nước tháng 2 và tháng 3 năm 2017 tầng qđ

Bảng 7. Độ sâu mực nước tầng qđ (m)

Ngày	xã Điện Hòa, huyện Điện Bàn (QT4a-QD)			xã Tam Phú, TP Tam Kỳ (QT11b-QD)		
	Mức nước thực đo tháng 1	Mức nước dự báo		Mức nước thực đo tháng 1	Mức nước dự báo	
		Tháng 2	Tháng 3		Tháng 2	Tháng 3
6	0,67	1,29	1,84	1,95	2,21	2,61
12	0,99	1,42	1,90	2,03	2,25	2,63
18	1,10	1,45	1,97	2,12	2,38	2,71
24	1,22	1,64	1,96	2,09	2,36	2,67
30	1,31		1,99	2,06		2,74
TB	1,06	1,45	1,93	2,05	2,30	2,67

Cảnh báo: không có cảnh báo

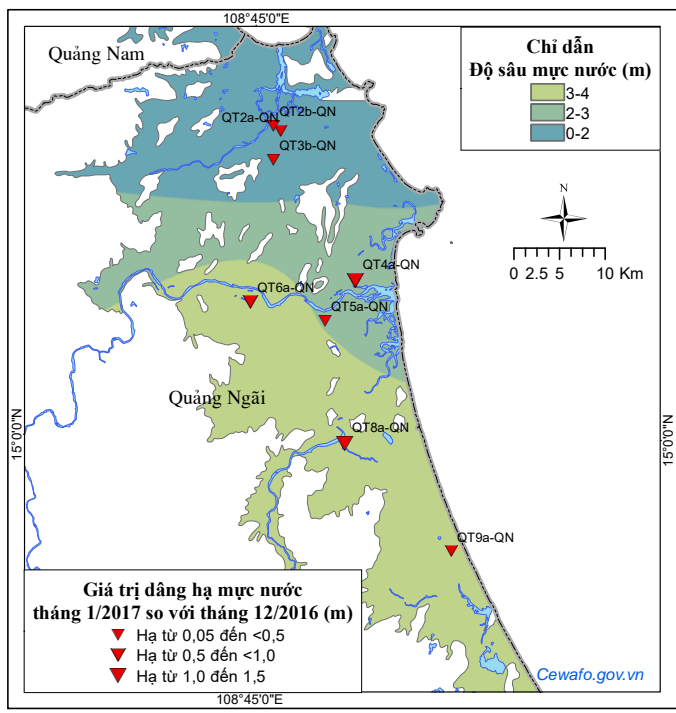
II.3. Tỉnh Quảng Ngãi

II.3.1. Tầng chứa nước Holocene (qh)

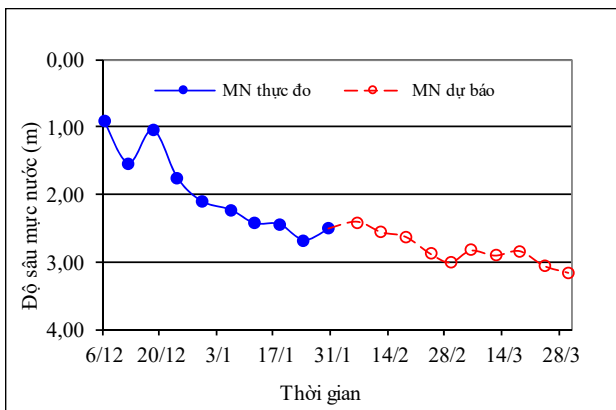
Trong phạm vi tỉnh, mực nước dưới đất tháng 1/2017 có xu thế hạ so với mực nước trung bình tháng 12/2016. Giá trị hạ thấp nhất là 1,35m tại xã Đức Hiệp, huyện Mộ Đức (QT8a-QN).

Mức nước trung bình tháng sâu nhất là 3,78m tại xã Nghĩa Kỳ, huyện Tư Nghĩa (QT6a-QN). Mực nước trung bình tháng nông nhất là 0,42m tại xã Bình Thới, huyện Bình Sơn (QT2b-QN).

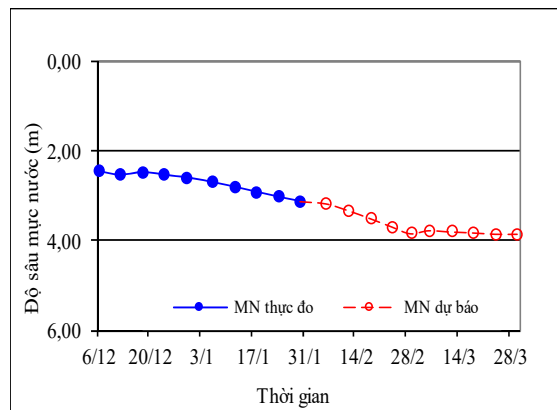
Dự báo: Trong tháng 2 và tháng 3 năm 2017 mực nước có xu thế hạ. Chi tiết diễn biến mực nước tại một số điểm đặc trưng như sau (xem hình 14 và bảng 8).



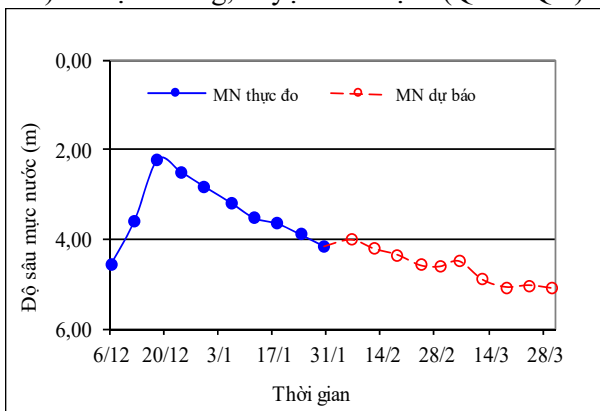
Hình 13. Sơ đồ diễn biến mực nước tháng 1/2017 tầng qh



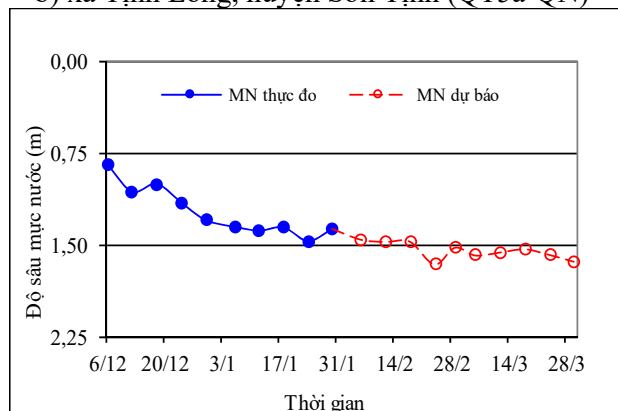
a) xã Tịnh Long, huyện Sơn Tịnh (QT4a-QN)



b) xã Tịnh Long, huyện Sơn Tịnh (QT5a-QN)



c) xã Phổ An, huyện Đức Phổ (QT9a-QN)



d) xã Bình Minh, huyện Bình Sơn (QT3b-QN)

Hình 14. Dự báo độ sâu mực nước tháng 2 và tháng 3 năm 2017 tầng qh

Bảng 8. Độ sâu mực nước tầng qh (m)

Ngày	xã Tịnh Long, huyện Sơn Tịnh (QT4a-QN)			xã Nghĩa Đông, TP Quảng Ngãi (QT5a-QN)		
	Mực nước thực đo tháng 1	Mực nước dự báo		Mực nước thực đo tháng 1	Mực nước dự báo	
		Tháng 2	Tháng 3		Tháng 2	Tháng 3
6	2,23	2,41	2,83	2,70	3,18	3,78
12	2,43	2,57	2,91	2,81	3,33	3,81
18	2,44	2,63	2,84	2,92	3,51	3,83
24	2,68	2,88	3,06	3,03	3,70	3,86
30	2,51		3,16	3,13		3,86
TB	2,46	2,62	2,96	2,92	3,43	3,83

Ngày	xã Phổ An, huyện Đức Phổ (QT9a-QN)			xã Bình Minh, huyện Bình Sơn (QT3b-QN)		
	Mực nước thực đo tháng 1	Mực nước dự báo		Mực nước thực đo tháng 1	Mực nước dự báo	
		Tháng 2	Tháng 3		Tháng 2	Tháng 3
6	3,20	4,02	4,50	1,36	1,46	1,59
12	3,54	4,22	4,91	1,39	1,48	1,56
18	3,66	4,35	5,08	1,36	1,47	1,54
24	3,91	4,59	5,04	1,47	1,66	1,58
30	4,17		5,10	1,37		1,64
TB	3,69	4,29	4,92	1,39	1,52	1,58

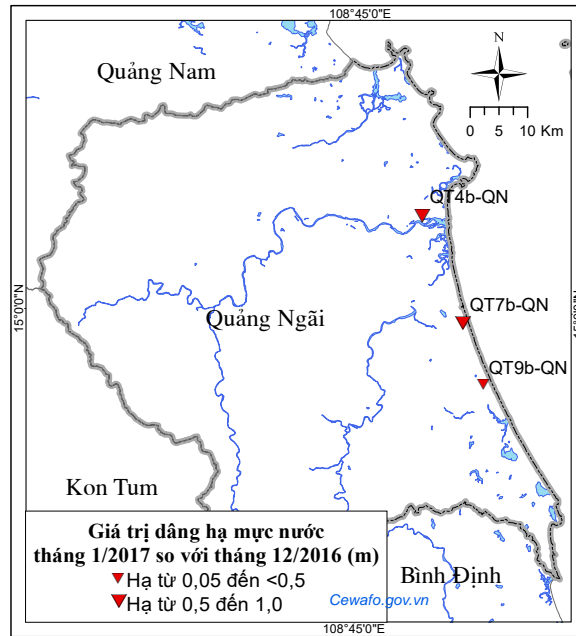
Cảnh báo: không có cảnh báo.

II.3.2. Tầng chứa nước Pleistocene (qp)

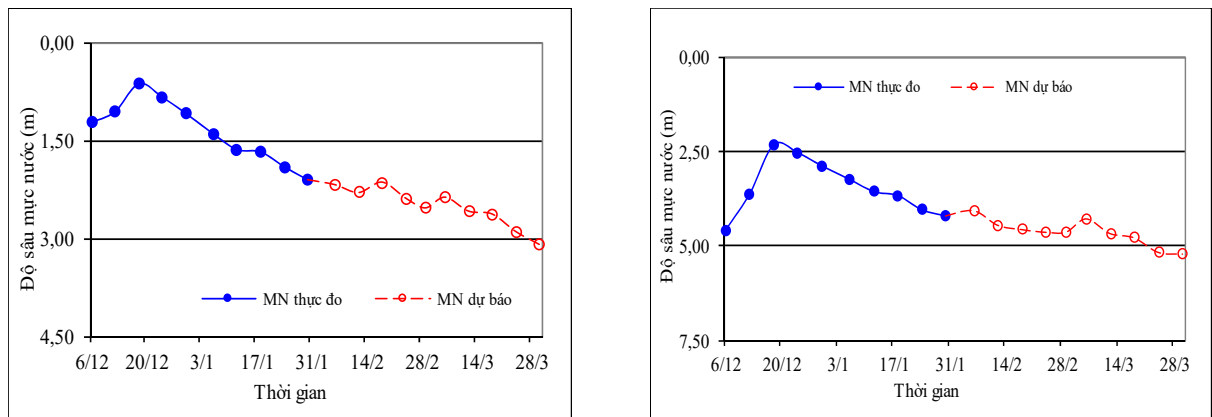
Diễn biến mực nước dưới đất tháng 1/2017 có xu thế hạ so với mực nước trung bình tháng 12/2016. Giá trị hạ thấp nhất là 1,03m tại xã Tịnh Long, huyện Sơn Tịnh (QT4b-QN).

Mực nước trung bình tháng sâu nhất là 3,65m tại xã Phổ An, huyện Đức Phổ (QT9b-QN). Mực nước trung bình tháng nông nhất là 1,70m tại xã Đức Minh, huyện Mộ Đức (QT7b-QN).

Dự báo: Trong tháng 2 và tháng 3 năm 2017 mực nước có xu thế hạ. Chi tiết diễn biến mực nước tại một số điểm đặc trưng như sau (xem hình 16 và bảng 9).



Hình 15. Sơ đồ diễn biến mực nước tháng 1/2017 tăng qđ



a) xã Đức Minh, huyện Mộ Đức (QT7b-QN)

b) xã Phổ An, huyện Đức Phổ (QT9b-QN)

Hình 16. Dự báo độ sâu mực nước tháng 2 và tháng 3 năm 2017 tăng qđ

Bảng 9. Độ sâu mực nước tăng qđ (m)

Ngày	xã Đức Minh, huyện Mộ Đức (QT7b-QN)			xã Phổ An, huyện Đức Phổ (QT9b-QN)		
	Mực nước thực đo tháng 1	Mực nước dự báo		Mực nước thực đo tháng 1	Mực nước dự báo	
		Tháng 2	Tháng 3		Tháng 2	Tháng 3
6	1,40	2,18	2,37	3,25	4,07	4,29
12	1,64	2,30	2,59	3,57	4,46	4,67
18	1,68	2,14	2,63	3,68	4,57	4,79
24	1,90	2,39	2,90	4,05	4,64	5,17
30	2,11		3,10	4,21		5,21
TB	1,75	2,25	2,72	3,75	4,44	4,82

Cảnh báo: không có cảnh báo.